TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 105/2018/HS-ST
Ngày 27-11-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trúc Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Phước

2. Ông Trần Thành Tựu

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Trần Bảo Quốc – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa***: Bà Trịnh Thị Ánh Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 86/2018/TLST-HS ngày 02-11-2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2018/QXXST-HS ngày 16-11-2018 đối với các bị cáo:

1. **Võ Văn L**, sinh năm 1992; Nơi sinh: Sóc Trăng; Nơi cư trú: đường N, Khóm A, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Con ông Võ Văn G và bà Phạm Thị Thùy D; Có vợ tên Lê Thị Ngọc T và 01 con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị bắt, tạm giam từ ngày 15-8-2018 cho đến nay. (có mặt)

2. **Lê Thị Ngọc T**, sinh năm 1995; Nơi sinh: Sóc Trăng; Nơi cư trú: đường N, Khóm A, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Con ông Lê Thanh B và bà Nguyễn Thị Kim L; Có

chồng tên Võ Văn L và 01 con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị bắt, tạm giam từ ngày 15-8-2018 cho đến nay. (có mặt)

- *Bị hại*: Bà **Võ Thị Th**, sinh năm 1987; Nơi thường trú: đường C, Khóm C, Phường D, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Võ Văn L và Lê Thị Ngọc T có mối quan hệ vợ chồng, cả hai đều không có nghề nghiệp ổn định.

Vào khoảng 15 giờ ngày 15-8-2018, Võ Văn L điều khiển xe mô tô biển số 83F9-8201, chở vợ là Lê Thị Ngọc T đi chợ Trung tâm thành phố Sóc Trăng, khi chạy trên đường Nguyễn Huệ, Phường 1, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng thì nhìn thấy chị Võ Thị Th một mình điều khiển xe mô tô chạy cùng chiều phía trước và có để một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Huawei màu đồng trong túi quần phía sau bên trái nhô lên một đoạn, lúc này L nói với T giật điện thoại của chị Th, thì T đồng ý. L điều khiển xe áp sát bên trái của chị Th, còn T ngồi sau xe dùng tay phải giật điện thoại của chị Th, khi giật được thoại thì T kêu L chạy đi, lúc này L tăng ga bỏ chạy, chị Th phát hiện bị giật điện thoại nên điều khiển xe đuổi theo phía sau xe của L và T tri hô "cướp, cướp..". L và T tiếp tục bỏ chạy qua nhiều tuyến đường, khi đến ngã tư Ngô Quyền và Phan Chu Trinh, Phường 1, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng thì không làm chủ được tay lái nên ngã xe, lúc này chị Th đuổi kịp xuống xe dùng tay nắm cổ áo của T chặn lại thì chị Th và T cự cãi đánh nhau nhằm tẩu thoát nên L kêu T trả điện thoại đã giật lại cho Th thì T trả rồi L và T lên xe chạy đi. Còn chị Th đến công an Phường 1, thành phố Sóc Trăng trình báo sự việc, công an tiến hành truy bắt thì bắt được L và T.

Tại Kết luận định giá tài sản số 115/KL.ĐGTS ngày 17-8-2018 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng kết luận: 01 điện thoại di động hiệu HUAWEI, model: CRO–U00, màu đồng, giá trị sử dụng còn lại 98%, với số tiền là 01 x 1.790.000 đồng x 90% = 1.754.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 88/CT-VKS.TPST ngày 01-11-2018 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng đã truy tố các bị cáo Võ Văn L can tội: "Cướp giật tài sản" theo điểm d Khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Lê Thị Ngọc T can tội "Cướp giật tài sản" theo điểm d, đ Khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên toà, các bị cáo Võ Văn L và Lê Thị Ngọc T thừa nhận hành vi phạm tội, thừa nhận Cáo trạng truy tố các bị cáo là đúng tội. Các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Các bị cáo Võ Văn L và Lê Thị Ngọc T phạm tội "Cướp giật tài sản".

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo L. Đề nghị xử phạt bị cáo L từ 03 năm đến 04 năm tù

Áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 171; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo T. Đề nghị xử phạt bị cáo T từ 04 năm đến 05 năm tù

Về trách nhiệm dân sự: bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không đề cập xử lý.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Trả lại cho bị cáo Võ Văn L: 01 áo khoác đen; 01 nón kết màu rằn ri, có chữ Spical có cây kim tây.

Trả lại cho bị cáo Lê Thị Ngọc T: 01 áo khoác màu đỏ xanh, tay dài phía trước có số 92 màu xanh.

Người bị hại bà Võ Thị Th vắng mặt nên Hội đồng xét xử xem xét lời khai của bà Th trong quá trình điều tra cũng như đơn xin xét xử vắng mặt ngày 21-11-2018 thì bà Th đã nhận lại tài sản và không yêu cầu các bị cáo bồi thường. Về hình phạt yêu cầu xử phạt các bị cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra và truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Ngoài ra, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, không có người nào có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị hại là bà Võ Thị Th có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy, trong quá trình điều tra thì người bị hại đã có lời khai rõ ràng về các tình tiết của vụ án và việc vắng mặt của người bị hại cũng không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 292 của Bộ luật Tố tụng Hình sự để xét xử vắng mặt đối với người bị hại.

[3] Tại phiên tòa, các bị cáo Võ Văn L và Lê Thị Ngọc T đã khai nhận:

Do nghiện ma túy và muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên vào khoảng 15 giờ ngày 15-8-2018, khi đang đi chợ Trung tâm thành phố Sóc Trăng thì bị cáo L nhìn thấy bị hại Th đang điều khiển xe phía trước có để một chiếc điện thoại di động trong túi quần phía sau bên trái nhô lên, bị cáo L mới kêu T giật điện thoại của chị Th thì T đồng ý. Sau đó, L điều khiển xe mô tô áp sát bên trái xe của chị Th còn T ngồi phía sau dùng tay phải giật điện thoại rồi tăng ga bỏ chạy. Khi các bị cáo bỏ chạy đến ngã tư Ngô Quyền và Phan Chu Trinh thì bị xe bị ngã, lúc này chị Th đuổi kịp xuống xe dùng tay nắm cổ áo của T chặn lại thì chị Th và T cự cãi đánh nhau nên L mới kêu T trả điện thoại lại cho chị Th, T đồng ý trả lại cho Th rồi lên xe chạy đi.

[4] Lời khai nhận hành vi phạm tội của các bị cáo là hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác trong quá trình điều tra cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử nhận thấy: Các bị cáo đã cùng thống nhất giật tài sản của bị hại đang điều khiển xe mô tô là thuộc trường hợp dùng thủ đoạn nguy hiểm. Ngoài ra, bị cáo T còn đánh bị hại Th nhằm mục đích để tẩu thoát là thuộc trường hợp hành hung để tẩu thoát. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác một cách trái pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử kết luận các bị cáo Võ Văn L phạm tội: "Cướp giật tài sản" theo điểm d Khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và bị cáo Lê Thị Ngọc T phạm tội "Cướp giật tài sản" theo điểm d, đ Khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Cho nên Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[5] Mặc dù các bị cáo đã cùng thực hiện hành vi cướp giật tài sản của bị hại, nhưng giữa các bị cáo không có sự câu kết chặt chẽ, bàn bạc, phân công vai trò cụ thể cho từng bị cáo. Nên các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Vai trò cụ thể của từng bị cáo như sau:

Đối với bị cáo Lê Văn L là người khởi xướng, rủ rê bị cáo T cùng giật điện thoại của bị hại. Chính bị cáo là người điều khiển xe mô tô chở bị cáo T áp sát xe người bị hại để T giật điện thoại.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng, xét về nhân thân bị cáo chưa có tiền sự, tiền án. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo; bị hại đã lấy lại tài sản nên bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Đối với bị cáo Lê Thị Ngọc T là một đồng phạm với vai trò là người thực hành tích cực, sau khi nghe bị cáo L kêu giật điện thoại của bị hại thì bị cáo đồng tình hưởng ứng. Khi bị cáo L áp sát xe của bị hại thì chính bị cáo là người dùng tay giật điện thoại, bị cáo còn hành hung người bị hại nhằm mục đích để tẩu thoát.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng, xét về nhân thân bị cáo chưa có tiền sự, tiền án. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo; bị hại đã lấy lại tài sản nên bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là bà Võ Thị Th đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường. Nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 áo khoác đen; 01 nón kết màu rằn ri là của bị cáo L không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo.

Đối với 01 áo khoác màu đỏ xanh tay dài là của bị cáo T không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[9] Xét lời đề nghị của Kiểm sát viên về tội danh và việc áp dụng pháp luật là có căn cứ. Về hình phạt cần xử phạt bị cáo L ở mức trung bình, đối với bị cáo T có vai trò giúp sức, đã trả lại tài sản cho bị hại nên Hội đồng xét xử có xem xét, xử bị cáo dưới mức khởi điểm như Kiểm sát viên đề nghị là phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Võ Văn L.

Căn cứ điểm d, đ khoản 2 Điều 171; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Lê Thị Ngọc T.

Tuyên bố: Các bị cáo Võ Văn L và Lê Thị Ngọc T phạm tội "Cướp giật tài sản".

1. Xử phạt bị cáo Võ Văn L 03 (*ba*) năm 06 (*sáu*) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 15-8-2018.

2. Xử phạt bị cáo Lê Thị Ngọc T 03 (*ba*) năm 06 (*sáu*) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 15-8-2018.

3. Về trách nhiệm dân sự: bị hại Võ Thị Th đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

- Trả lại cho bị cáo Võ Văn L: 01 áo khoác đen; 01 nón kết màu rằn ri, có chữ Spical có cây kim tây.

- Trả lại cho bị cáo Lê Thị Ngọc T: 01 áo khoác màu đỏ xanh, tay dài phía trước có số 92 màu xanh.

5. Về án phí: Áp dụng Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc mỗi bị cáo phải nộp là 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Báo cho các bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được cấp, tống đạt hợp lệ theo quy định pháp luật. Để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thành phố Sóc Trăng;
- Công an thành phố Sóc Trăng;
- CQTHAHS – Công an thành phố Sóc Trăng;
- Chi cục THA Dân sự thành phố Sóc Trăng;
- Bị cáo;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIEN TÒA

Lê Trúc Phương

- Người bị hại;
- Lưu hồ sơ.